

MỤC 1: Nhận Dạng

1.1. Định danh sản phẩm

Tên sản phẩm : Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®

Mã sản phẩm : Không có thông tin.

1.2. Các mục đích sử dụng được xác định có liên quan của chất hoặc hỗn hợp và các mục đích sử dụng được khuyến cáo không nên dùng

Công dụng của chất hỗn hợp : Bảo vệ bê tông và giảm độ thấm

1.3. Thông tin nhà cung cấp

Penetron International, Ltd. 45
Research Way, Suite 203
East Setauket, New York 11733 – Hoa Kỳ
Điện thoại: +1 (631) 941-9700
info@penetron.com - penetron.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : CHEMTREC: Hoa Kỳ và Canada: 1-800-424-9300; Quốc tế: +1 703-527-3887

MỤC 2: Nhận Dạng Môi Nguy

2.1. Phân loại Chất hoặc Hỗn Hợp

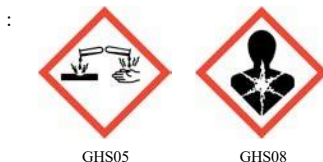
Phân loại GHS-US

Nhóm Nguy Hại	Phân loại
Kích ứng da	Nhóm 2
Tổn thương mắt nghiêm trọng	Nhóm 1
Khả năng gây ung thư	Nhóm 1A
Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm lặp lại	Nhóm 1

2.2. Các yếu tố trên nhãn

Ghi nhãn theo chuẩn GHS-US

Biểu tượng cảnh báo (GHS-US)



Từ cảnh báo (GHS-US)

: Nguy Hiểm

Cảnh báo nguy hiểm (GHS-US)

: Gây kích ứng da, tổn thương mắt nghiêm trọng, ung thư và tổn thương phổi do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.

Khuyến cáo phòng ngừa (GHS-US)

: Phải có hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng. Không thao tác cho đến khi đã đọc và hiểu tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn. Mang găng tay bảo hộ/quần áo bảo hộ/phương tiện bảo vệ mắt/mặt. Không hít bụi. Rửa tay kỹ sau khi thao tác. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này. Nếu bị phơi nhiễm hoặc lo ngại: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu dính vào da: Rửa bằng nhiều nước. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi dùng lại. Nếu xảy ra kích ứng da: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Nếu vào mắt: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa. Gọi ngay trung tâm chống độc/bác sĩ. Bảo quản có khóa. Thái bỏ sản phẩm/bao bì theo quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

2.3. Các mối nguy khác

Không có thêm thông tin.

2.4. Độc tính cấp tính chưa xác định (GHS-US)

Không áp dụng.

MỤC 3: Thông Tin Về Các Thành Phần

3.1. Chất nguyên chất

Không xác định.

Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®

Phiếu An Toàn Hoá Chất

Theo Hazard Communication Standard (CFR29 1910.1200) HazCom 2012.

3.2. Hỗn hợp

Tên	Mã nhận dạng sản phẩm	%
Xi măng, portland, hóa chất	(CAS No) 65997-15-1	50 - 70
Thạch anh	(CAS No) 14808-60-7	0 - 50
CTS-15-1	Bí mật thương mại	3 – 37

* Tỷ lệ phần trăm (nồng độ) chính xác của thành phần đã được giữ kín như bí mật thương mại theo khoản (i) của §1910.1200.

MỤC 4: Biện Pháp Sơ Cứu

4.1. Mô tả các biện pháp sơ cứu

- Sơ cứu sau khi hít phải : Nếu khó thở, đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí và để nghỉ ở tư thế dễ thở. Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
- Sơ cứu sau khi tiếp xúc với da : Khi tiếp xúc, lập tức rửa da bằng nhiều nước. Cởi bỏ quần áo và giày dép bị nhiễm bẩn. Giặt quần áo trước khi dùng lại. Nhận chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
- Sơ cứu sau khi tiếp xúc với mắt : Khi tiếp xúc, lập tức rửa mắt bằng nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Tháo kính áp tròng nếu có và dễ thực hiện. Nhận chăm sóc y tế ngay lập tức.
- Sơ cứu sau khi nuốt phải. : Nếu nuốt phải, KHÔNG gây nôn trừ khi có chỉ dẫn của nhân viên y tế. Không cho bất kỳ thứ gì vào miệng người bất tỉnh. Nhận tư vấn/chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.

4.2. Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng, cả cấp tính và chậm

- Sau khi hít phải. : Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây bông khi có độ ẩm.
- Sau khi tiếp xúc với da. : Gây kích ứng da. Triệu chứng có thể gồm đỏ, phù nề, khô, mất lớp dầu tự nhiên và nứt da. Có thể gây bông khi có độ ẩm.
- Sau khi tiếp xúc với mắt. : Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Triệu chứng có thể gồm khó chịu hoặc đau, chớp mắt và chảy nước mắt nhiều, kèm đỏ rờ rệt và sưng kết mạc. Có thể gây bông.
- Sau khi nuốt phải. : Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây khó chịu dạ dày, buồn nôn hoặc nôn. Có thể gây bông khi có độ ẩm.

4.3. Chỉ dẫn về việc cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt

Các triệu chứng có thể không xuất hiện ngay lập tức. Trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc nếu cảm thấy không khỏe, hãy tìm kiếm sự tư vấn y tế ngay lập tức (xuất trình nhãn hoặc Bảng dữ liệu an toàn - SDS nếu có thể).

MỤC 5: Biện Pháp Chữa Cháy

5.1. Phương tiện chữa cháy

- Phương tiện chữa cháy phù hợp : xử lý phù hợp với vật liệu đang cháy xung quanh.
- Phương tiện không phù hợp : chưa ghi nhận.

5.2. Các mối nguy đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp

- Nguy cơ hòa trộn : Các sản phẩm của quá trình cháy có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở: các oxit của cacbon.

5.3. Lời khuyên cho lực lượng chữa cháy

- Bảo vệ khi chữa cháy : Đứng ở phía đầu gió so với đám cháy. Mặc đầy đủ trang phục chữa cháy chuyên dụng và thiết bị bảo vệ đường hô hấp (SCBA).

MỤC 6: Biện Pháp Giải Phóng Ngẫu Nhiên

6.1. Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình khẩn cấp

- Các biện pháp chung : Sử dụng các biện pháp bảo vệ cá nhân được khuyến nghị tại Mục 8. Cô lập khu vực nguy hiểm và ngăn chặn sự ra vào của những người không có nhiệm vụ hoặc không được trang bị thiết bị bảo hộ.

6.2. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

- Để ngăn chặn : Khoanh vùng và/hoặc thấm hút chất tràn bằng vật liệu trơ (ví dụ: cát, vermiculite), sau đó thu gom vào vật chứa phù hợp. Không xả thải vào hệ thống cống rãnh hoặc để chất tràn xâm nhập vào nguồn nước. Sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phù hợp.
- Các phương pháp làm sạch : Hút bụi hoặc quét dọn vật liệu và cho vào thùng chứa rác thải. Tránh làm phát sinh bụi. Đảm bảo thông gió.

6.3. Đến chiếu các phần khác

Xem mục 8 để biết thêm thông tin về trang phục và thiết bị bảo hộ, và mục 13 để biết hướng dẫn về việc thải bỏ chất thải.

MỤC 7: Xử Lý và Bảo Quản

7.1. Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

- Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn. : Tránh tiếp xúc với da và mắt. Không hít bụi. Không được nuốt. Thao tác và mở vật chứa cẩn thận. Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.
- Các biện pháp vệ sinh : Giặt sạch quần áo bị nhiễm bẩn trước khi tái sử dụng. Rửa tay trước khi ăn, uống hoặc hút thuốc.

Penetron®, Penecrete Mortar™, Penepug®, Penetron Plus®

Phiếu An Toàn Hoá Chất

Theo Hazard Communication Standard (CFR29 1910.1200) HazCom 2012.

7.2. Các điều kiện bảo quản an toàn, bao gồm cả các trường hợp không tương thích

Điều kiện bảo quản : Để xa tầm tay trẻ em. Đậy kín nắp hộp. Bảo quản trong bao bì gốc tại nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Tránh ánh nắng trực tiếp. Để xa thực phẩm và đồ uống. Bảo quản ở nơi có khóa an toàn.

7.3. (Các) mục đích sử dụng cụ thể

Không có sẵn:

MỤC 8: Kiểm Soát Phơi Nhiễm/Bảo Vệ Cá Nhân

8.1. Thông số kiểm soát

Xi măng Portland, hóa chất (65997-15-1)		
ACGIH	ACGIH TWA (mg/m³)	1 mg/m³ (không có amiăng và <1% silica tinh thể, phân đoạn hô hấp)
OSHA	OSHA PEL (TWA) (mg/m³)	15 mg/m³ (tổng) 5 mg/m³ (hô hấp) 50 mppcf (<1% silica tinh thể)
Thạch anh (14808-60-7)		
ACGIH	ACGIH TWA (mg/m³)	0,025 mg/m³ (phân đoạn hô hấp)
OSHA	OSHA PEL (TWA) (mg/m³)	(10 mg/m³)/(%SiO ₂ +2) (hô hấp) (30 mg/m³)/(%SiO ₂ +2) (tổng) (250)/(%SiO ₂ +5) mppcf (hô hấp)
CTS-15-1		
ACGIH	Không áp dụng	
OSHA	Không áp dụng	

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Kiểm soát kỹ thuật phù hợp : Sử dụng thông gió đủ để duy trì mức phơi nhiễm trong không khí dưới giới hạn được khuyến nghị.

Bảo vệ tay : Găng tay bảo hộ bằng cao su hoặc PVC.

Bảo vệ mắt : Đeo kính bảo hộ hóa chất chống bụi/chống bắn tóe, vừa khít và/hoặc tấm che mặt.

Bảo vệ da và cơ thể : Mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Bảo vệ hô hấp : Khuyến nghị dùng khẩu trang chống bụi hoặc mặt nạ lọc được NIOSH phê duyệt ở nơi thông gió kém hoặc khi có thể vượt giới hạn phơi nhiễm. Thiết bị phải được chuyên gia lựa chọn và chỉ đạo sử dụng theo OSHA 29 CFR 1910.134 và ANSI Z88.2.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường : Duy trì nồng độ dưới ngưỡng bảo vệ môi trường cộng đồng.

Thông tin khác : Không ăn, hút thuốc hoặc uống tại nơi thao tác, chế biến hay bảo quản vật liệu. Rửa tay kỹ. Tuân thủ thực hành vệ sinh công nghiệp và an toàn.

MỤC 9: Tính Chất Vật Lý Và Hoá Học

9.1. Thông tin về các tính chất vật lý và hóa học cơ bản

Trạng thái vật lý. : Rắn

Dạng bên ngoài. : Bột

Màu sắc. : Xám

Mùi. : Không mùi

Ngưỡng mùi. : Không có dữ liệu

pH. : 12,5 (dung dịch 10% trong nước)

Điểm nóng chảy. : > 1000 °C (1832 °F)

Điểm đông đặc. : Không có dữ liệu

Điểm sôi. : Không có dữ liệu

Điểm chớp cháy : Không có dữ liệu

Tốc độ bay hơi tương đối (butyl acetate = 1) : Không có dữ liệu

Khả năng cháy (rắn, khí) : Không cháy

Giới hạn nổ : Không có dữ liệu

Tính nổ : Không có dữ liệu

Tính oxy hóa : Không có dữ liệu

Áp suất hơi : Không có dữ liệu

Khối lượng riêng tương đối : Không có dữ liệu

Tỷ trọng hơi tương đối ở 20 °C : Không có dữ liệu

Độ tan : Không có dữ liệu

Hệ số phân bố: n-octanol/nước : Không có dữ liệu

Nhiệt độ tự bốc cháy : Không có dữ liệu

Nhiệt độ phân hủy : Không có dữ liệu

Độ nhớt : Không có dữ liệu

Độ nhớt động học : Không có dữ liệu

Độ nhớt động lực học : Không có dữ liệu

9.2. Thông tin khác

Không có thêm thông tin nào.

Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®

Phiếu An Toàn Hoá Chất

Theo Hazard Communication Standard (CFR29 1910.1200) HazCom 2012.

MỤC 10: Tính Ổn Định Và Khả Năng Phản Ứng

10.1. Độ phản ứng

Không có phản ứng nguy hiểm nào được ghi nhận trong điều kiện sử dụng bình thường.

10.2. Độ ổn định hoá học

Ổn định trong điều kiện bảo quản bình thường.

10.3. Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Không xảy ra phản ứng nguy hiểm nào trong điều kiện sử dụng bình thường. Phản ứng với nước tạo thành dung dịch kiềm

10.4. Các điều kiện cần tránh

Nhiệt. Các vật liệu không tương thích. Tránh nhiệt độ thấp. Nước.

10.5. Các vật liệu không tương thích

Axit mạnh

10.6. Các sản phẩm phân huỷ nguy hiểm

Có thể bao gồm, nhưng không giới hạn ở: các oxit của cacbon.

MỤC 11: Thông Tin Về Độc Tính

11.1. Thông tin về các tác động độc hại

Độc tính cấp	: Không phân loại
Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®	
LD ₅₀ đường miệng, chuột	> 2000 mg/kg
LD ₅₀ qua da, thỏ	> 2000 mg/kg
LC ₅₀ hít phải, chuột	Không có dữ liệu
Ăn mòn/kích ứng da	: Gây kích ứng da.
Tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng	: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
Mẫn cảm hô hấp hoặc da	: Theo dữ liệu hiện có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Đột biến tế bào mầm	: Theo dữ liệu hiện có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Khả năng gây ung thư	: Có thể gây ung thư.
Thạch anh (14808-60-7)	
Nhóm IARC	1 - Gây ung thư cho người
Chương trình Độc chất học Quốc gia (NTP)	2 - Chất đã biết gây ung thư ở người

Độc tính sinh sản	: Theo dữ liệu hiện có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Độc tính cơ quan đích - phơi nhiễm một lần	: Theo dữ liệu hiện có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Độc tính cơ quan đích - phơi nhiễm lặp lại	: Gây tổn thương phổi do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại.
Nguy cơ hít sặc	: Theo dữ liệu hiện có, không đáp ứng tiêu chí phân loại.
Triệu chứng sau khi hít phải	: Có thể gây kích ứng đường hô hấp. Có thể gây bỏng khi có độ ẩm.
Triệu chứng sau khi tiếp xúc với da	: Gây kích ứng da. Triệu chứng có thể gồm đỏ, phù nề, khô, mất lớp dầu tự nhiên và nứt da. Có thể gây bỏng khi có độ ẩm.
Triệu chứng sau khi tiếp xúc với mắt	: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng. Có thể khó chịu hoặc đau, chớp mắt và chảy nước mắt nhiều, đỏ và sưng kết mạc. Có thể gây bỏng.
Triệu chứng sau khi nuốt phải	: Có thể có hại nếu nuốt phải. Có thể gây khó chịu dạ dày, buồn nôn hoặc nôn. Có thể gây bỏng khi có độ ẩm.

Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®

Phiếu An Toàn Hoá Chất

Theo Hazard Communication Standard (CFR29 1910.1200) HazCom 2012.

MỤC 12: Thông Tin Về Sinh Thái

12.1. Độc tính

Sinh thái học - tổng quát : Không có tác động đáng kể hay mối nguy hiểm nghiêm trọng nào được ghi nhận.

12.2. Tính bền vững và khả năng phân hủy

Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®	
Tính bền vững và khả năng phân hủy	Chưa được thiết lập.

12.3. Khả năng tích lũy sinh học

Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®	
Khả năng tích lũy sinh học	Chưa được thiết lập

12.4. Tính di động trong đất

Không có thông tin bổ sung.

12.5. Các tác dụng không mong muốn khác

Tác động đến sự nóng lên toàn cầu : Sản phẩm này không gây ra thiệt hại nào về mặt sinh thái được ghi nhận.

MỤC 13: Các Lưu Ý Về Việc Thái Bỏ

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Khuyến nghị về việc xử lý chất thải : Vật liệu này phải được xử lý tuân thủ mọi quy định của địa phương, tiểu bang, tỉnh và liên bang. Việc phát sinh chất thải cần được tránh hoặc giảm thiểu ở mức tối đa có thể.

MỤC 14: Thông Tin Vận Chuyển

14.1 Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Theo quy định của DOT : Không thuộc diện kiểm soát khi vận chuyển.

14.2. Thông tin bổ sung

Thông tin khác : Không có thông tin bổ sung.

Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt khi vận chuyển : Không được thao tác cho đến khi đã đọc và hiểu rõ tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn.

MỤC 15: Thông Tin Về Quy Định

15.1. Các quy định của Liên Bang Hoa Kỳ

Tất cả các thành phần của sản phẩm này đều có tên trong danh mục hoặc thuộc diện miễn đăng ký theo Đạo luật Kiểm soát Chất Độc hại (TSCA) của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ.

15.2. Các quy định của tiểu bang Hoa Kỳ

Penetron®, Penecrete Mortar™, Peneplug®, Penetron Plus®	
Quy định của tiểu bang hoặc địa phương	Sản phẩm này chứa một hóa chất được Tiểu bang California xác định là có khả năng gây ung thư.

MỤC 16: Thông Tin Khác

Ngày ban hành : 01/22/1981

Ngày sửa đổi : 10/23/2015

Thông tin khác : Không có.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Chúng tôi tin rằng các tuyên bố, thông tin kỹ thuật và khuyến nghị trong tài liệu này là đáng tin cậy, nhưng được cung cấp mà không có bất kỳ bảo đảm hoặc cam kết nào. Thông tin áp dụng cho chính vật liệu cụ thể ở trang thái được cung cấp và có thể không còn phù hợp khi dùng kết hợp với vật liệu khác. Người sử dụng có trách nhiệm tự xác định tính phù hợp và đầy đủ của thông tin đối với mục đích sử dụng cụ thể.

Bản dịch tiếng Việt từ SDS tiếng Anh gốc. Khi có khác biệt trong diễn giải hoặc yêu cầu pháp lý, cần đối chiếu bản gốc do nhà sản xuất phát hành.